DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 03 tháng 09 năm 2019)

Lớp: K12CĐ - Điện (SEVT) - Điện tử - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	DTU161C510301S002	Lê Hoàng	Anh	03/11/1996	105	6.89	2.57	Khá	
2	DTU161C510301S005	Nguyễn Văn	Bích	18/10/1997	105	7.43	2.77	Khá	
3	DTU161C510301S007	Hoàng Văn	Chung	28/08/1996	105	7.03	2.63	Khá	
4	DTU161C510301S010	Hứa Thị	Chuyên	10/05/1994	105	6.81	2.42	Trung bình khá	
5	DTU161C510301S013	Đoàn Văn	Diễn	07/03/1996	105	7.54	2.94	Khá	
6	DTU161C510301S022	Tạ Thị	Dung	15/12/1995	105	8.11	3.34	Giỏi	
7	DTU161C510301S024	Phạm Văn	Dũng	30/12/1995	105	7.4	2.84	Khá	
8	DTU161C510301S025	Trần Văn	Dũng	13/12/1996	105	7.07	2.66	Khá	
9	DTU161C510301S026	Trịnh Văn	Dũng	12/02/1996	105	6.75	2.45	Trung bình khá	
10	DTU161C510301S030	Hoàng Phú	Duy	04/08/1992	105	7.53	2.92	Khá	
11	DTU161C510301S028	Nguyễn Hữu	Dương	20/02/1992	105	7.18	2.74	Khá	
12	DTU161C510301S029	Sa Đại	Dương	02/04/1994	105	6.92	2.5	Khá	
13	DTU161C510301S011	Bùi Văn	Đạt	10/08/1995	105	7	2.54	Khá	
14	DTU161C510301S012	Đinh Tuấn	Đạt	11/12/1995	105	7.03	2.62	Khá	
15	DTU161C510301S014	Đoàn Văn	Điệp	08/10/1996	105	7.09	2.58	Khá	
16	DTU161C510301S015	Nguyễn Văn	Điệp	27/09/1996	105	6.86	2.46	Trung bình khá	
17	DTU161C510301S016	Đinh Kim	Đoàn	22/11/1996	105	7.08	2.64	Khá	
18	DTU161C510301S017	Quách Văn	Đông	17/07/1992	105	7.98	3.16	Khá	
19	DTU161C510301S021	Phạm Văn	Đức	20/01/1993	105	7.09	2.57	Khá	
20	DTU161C510301S136	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/06/1996	105	7.36	2.74	Khá	
21	DTU161C510301S034	Tạ Thanh	Hải	17/09/1991	105	7.02	2.51	Khá	
22	DTU161C510301S138	Trần Thị Thanh	Hằng	08/06/1995	105	7.43	2.86	Khá	
23	DTU161C510301S036	Nguyễn Văn	Hậu	12/10/1997	105	6.56	2.21	Trung bình khá	
24	DTU161C510301S139	Trương Đức	Hậu	22/05/1996	105	7.2	2.66	Khá	
25	DTU161C510301S037	Nguyễn Văn	Hiện	10/07/1997	105	6.82	2.43	Trung bình khá	
26	DTU161C510301S141	Nguyễn Văn	Hiếu	11/06/1997	105	6.64	2.3	Trung bình khá	

27	DTU161C510301S038	Vũ Ngọc	Hiếu	01/09/1997	105	6.85	2.48	Trung bình khá	
28	DTU161C510301S042	Cấn Thái	Hoàng	05/06/1996	105	7.31	2.77	Khá	
29	DTU161C510301S043	Triệu Ngọc	Hoàng	27/07/1995	105	6.7	2.4	Trung bình khá	
30	DTU161C510301S044	Nguyễn Hải	Hoằng	20/01/1995	105	6.57	2.4	Trung bình khá	
31	DTU161C510301S046	Nguyễn Văn	Huân	08/05/1994	105	6.81	2.5	Khá	
32	DTU161C510301S144	Đường Thị	Huệ	27/05/1997	105	7.64	2.92	Khá	
33	DTU161C510301S143	Lý Thị	Huệ	23/11/1997	105	7.17	2.67	Khá	
34	DTU161C510301S049	Hoàng Mạnh	Hùng	24/03/1993	105	7.28	2.85	Khá	
35	DTU161C510301S051	Vũ Văn	Hùng	19/08/1994	105	6.88	2.5	Khá	
36	DTU161C510301S062	Lê Bá	Huy	21/11/1996	105	6.8	2.42	Trung bình khá	
37	DTU161C510301S054	Nguyễn Đức	Hưng	20/08/1995	105	6.73	2.33	Trung bình khá	
38	DTU161C510301S057	Phạm Khả	Hưng	18/05/1992	105	7.52	2.89	Khá	
39	DTU161C510301S060	Phạm Văn	Hữu	02/11/1994	105	6.93	2.48	Trung bình khá	
40	DTU161C510301S064	Hoàng Văn	Khánh	02/10/1994	105	7.02	2.57	Khá	
41	DTU161C510301S065	Lường Duy	Khánh	24/02/1995	105	6.93	2.48	Trung bình khá	
42	DTU161C510301S066	Trần Văn	Khuyến	03/08/1995	105	7.03	2.6	Khá	
43	DTU161C510301S067	Trần Trung	Kiên	11/07/1997	105	6.58	2.3	Trung bình khá	
44	DTU161C510301S068	Nguyễn Đăng	Lâm	17/11/1995	105	7.2	2.64	Khá	
45	DTU161C510301S070	Vũ Xuân	Linh	03/02/1996	105	6.92	2.54	Khá	
46	DTU161C510301S146	Nguyễn Xuân	Long	10/10/1993	105	7.15	2.69	Khá	
47	DTU161C510301S148	Chu Văn	Minh	15/07/1997	105	6.95	2.53	Khá	
48	DTU161C510301S079	Nguyễn Thị	Mỹ	15/05/1998	105	7.61	2.96	Khá	
49	DTU161C510301S080	Dương Văn	Nam	12/12/1992	105	6.73	2.37	Trung bình khá	
50	DTU161C510301S084	Lê Thị	Phương	15/08/1995	105	7.28	2.72	Khá	
51	DTU161C510301S087	Hoàng Xuân	Quốc	15/01/1996	105	7.48	2.96	Khá	
52	DTU161C510301S089	Đỗ Trần	Quyết	27/02/1994	105	7.54	2.96	Khá	
53	DTU141C510301S061	Nguyễn Văn	Quyết	06/11/1996	105	7.33	2.81	Khá	
54	DTU161C510301S092	Lưu Tiến	Siêu	13/05/1993	105	7.37	2.88	Khá	
55	DTU161C510301S099	Ngô Văn	Thao	30/12/1996	105	6.9	2.51	Khá	
56	DTU161C510301S102	Nguyễn Quốc	Thịnh	18/05/1993	105	6.68	2.3	Trung bình khá	
57	DTU161C510301S157	Quách Thị	Thơm	03/10/1996	105	7.21	2.76	Khá	
58	DTU161C510301S104	Nguyễn Thị	Thùy	21/09/1997	105	7.15	2.64	Khá	
59	DTU161C510301S103	Dương Thị	Thúy	10/07/1997	105	7.04	2.61	Khá	

60	DTU161C510301S159	Lò Văn	Tiến	03/04/1996	105	6.62	2.25	Trung bình khá	
61	DTU161C510301S106	Nguyễn Văn	Tính	20/12/1995	105	7.09	2.69	Khá	
62	DTU161C510301S107	Hoàng Quốc	Toàn	02/06/1993	105	7.1	2.72	Khá	
63	DTU161C510301S108	Lê Xuân	Toàn	22/01/1995	105	6.85	2.5	Khá	
64	DTU161C510301S111	Nguyễn Quang	Trung	19/09/1996	105	6.89	2.53	Khá	
65	DTU161C510301S112	Chu Văn	Trường	23/09/1996	105	6.72	2.39	Trung bình khá	
66	DTU161C220210S183	Đỗ Văn	Trường	14/11/1993	105	7.13	2.7	Khá	
67	DTU161C510301S114	Nguyễn Doãn	Trường	06/08/1997	105	7.24	2.76	Khá	
68	DTU161C510301S113	Lê Văn	Trường	21/11/1996	105	7.16	2.69	Khá	
69	DTU161C510301S119	Nguyễn Văn	Tuấn	12/12/1997	105	6.84	2.53	Khá	
70	DTU161C510301S122	Lâm Quý	Tuyên	27/07/1995	105	6.81	2.44	Trung bình khá	
71	DTU161C220210S187	Nguyễn Thị	Tuyết	28/03/1996	105	7.72	2.97	Khá	
72	DTU161C510301S116	Trần Thị	Tư	14/07/1997	105	6.83	2.39	Trung bình khá	
73	DTU161C510301S126	Lưu Thị	Yến	18/01/1996	105	7.72	3.06	Khá	

Danh sách ấn định: 73 sinh viên

Ngày tháng 09 năm 2019

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Người lập

Kiều Thị Thanh Huyền

DANH SÁCH SINH VIÊN K12 CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 03 tháng 9 năm 2019)

Lớp: K12 CĐ-Điện (SEVT) - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Lý do
1	DTU161C510301S032	Trịnh Văn	Duy	25/08/1995	94	6.11	2.17	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (94/105)[Khối kiến thức(92/103: Đồ án cung cấp điện-ESP321 (0.40 0), An toàn điện-ESA321 (2.40), Bài tập lớn Cơ sở kỹ thuật điện-PEL311 (0), Tư tưởng Hồ Chí Minh-HCM121 (0), Tin học đại cương-GIF121 (2.40), Pháp luật đại cương-GLA121 (2.90))]
2	DTU161C510301S027	Bùi Tiến	Dương	24/12/1996	105	6.88	2.51	Nợ CC Giáo dục QP
3	DTU161C510301S019	Dương Anh	Đức	14/04/1997	105	6.58	2.32	Nợ CC Giáo dục QP
4	DTU161C510301S077	Phạm Văn	Mạnh	10/05/1996	105	6.61	2.33	Nợ CC Giáo dục QP
5	DTU161C510301S097	Trần Quang Chiến	Thắng	20/12/1997	93	5.84	1.87	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (93/105)[Khối kiến thức(91/103: Trang bị điện-ELI341 (2.70), Thực tập chuyên ngành 2 (Điện)-EET432 (0), Thực tập tốt nghiệp (Điện)-EET403 (0))]; ĐTK HE4 = 1.87; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
6	DTU161C510301S110	Bùi Xuân	Trung	21/02/1993	94	6.09	1.96	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (94/105)[Khối kiến thức(92/103: Đồ án cung cấp điện-ESP321 (0.40 0), An toàn điện-ESA321 (2.40), Bài tập lớn Cơ sở kỹ thuật điện-PEL311 (0), Tư tưởng Hồ Chí Minh-HCM121 (0), Tin học đại cương-GIF121 (2.60), Pháp luật đại cương-GLA121 (2.90))]; ĐTK HE4 = 1.96

Danh sách ấn định: 06 sinh viên

Ngày tháng 9 năm 2019

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Người lập

Kiều Thị Thanh Huyền

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 03 tháng 09 năm 2019)

Lớp: K12CĐ - Kế toán (SEVT) - Ngành Kế toán tổng hợp

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	DTU161C510301S001	Lã Thị	Anh	24/04/1996	105	8.2	3.41	Giỏi	
2	DTU161C340301S001	Ma Thị Ngọc	Anh	01/01/1996	105	7.38	2.9	Khá	
3	DTU161C340301S005	Hoàng Thị	Cúc	14/01/1995	105	7.8	3.08	Khá	
4	DTU161C340301S007	Lương Thị	Điệp	25/02/1995	105	7.71	3	Khá	
5	DTU161C340301S011	Trịnh Thúy	Hà	12/06/1997	105	7.42	2.84	Khá	
6	DTU161C340301S013	Đồng Thị Út	Hải	23/09/1997	105	7.84	3.11	Khá	
7	DTU161C340301S014	Đặng Thị	Hằng	27/06/1998	105	7.57	2.95	Khá	
8	DTU161C340301S015	Hoàng Thị	Hiên	28/02/1996	105	7.9	3.12	Khá	
9	DTU161C340301S016	Phùng Thị Thu	Hiền	02/05/1996	105	7.63	2.96	Khá	
10	DTU151C51220210S106	Dương Thị	Huệ	14/08/1995	105	7.62	2.97	Khá	
11	DTU161C220210S082	Đặng Thị	Khuyên	27/02/1998	105	7.46	2.81	Khá	
12	DTU161C340301S020	Trần Thị	Lan	27/10/1997	105	7.54	2.96	Khá	
13	DTU161C220210S088	Nguyễn Thị Kim	Liên	08/09/1996	105	7.35	2.77	Khá	
14	DTU161C340301S055	Cao Thị Ngọc	Mai	06/12/1996	105	7.53	2.93	Khá	
15	DTU161C340301S024	Lý Thị	Mừng	12/09/1996	105	8.29	3.4	Giỏi	
16	DTU161C510301S081	Ngân Thúy	Ngọc	06/05/1998	105	7.14	2.68	Khá	
17	DTU161C340301S057	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	20/06/1996	105	7.62	2.93	Khá	
18	DTU161C220210S126	Nguyễn Hồng	Nhung	05/05/1996	105	7.32	2.86	Khá	
19	DTU161C340301S060	Nguyễn Thị Hải	Oanh	10/02/1998	105	7.84	3.05	Khá	
20	DTU161C340301S032	Trần Thị	Phượng	24/04/1997	105	7.97	3.14	Khá	
21	DTU161C340301S035	Lâm Thị Thu	Quỳnh	20/05/1991	105	7.44	2.83	Khá	
22	DTU151C51220210S221	Nguyễn Thị	Quỳnh	20/10/1996	105	7.56	2.91	Khá	
23	DTU161C340301S038	Nguyễn Thị	Thu	10/02/1996	105	8.18	3.33	Giỏi	
24	DTU161C340301S062	Triệu Thị	Thùy	08/04/1993	105	7.47	2.9	Khá	
25	DTU151C340301S016	Nguyễn Thị	Thủy	20/03/1995	105	7.35	2.81	Khá	

26	DTU161C340301S041	Vũ Thị	Trang	20/07/1995	105	7.45	2.78	Khá	
27	DTU161C340301S043	Hoàng Thị Ngọc	Tuyết	30/08/1995	105	7.74	2.99	Khá	
28	DTU161C340301S066	Hoàng Thị	Văn	20/10/1997	105	7.9	3.18	Khá	

Danh sách ấn định: 28 sinh viên

Ngày tháng 09 năm 2019

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Người lập

Kiều Thị Thanh Huyền

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (BỔ SUNG)
HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 776 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 03 tháng 09 năm 2019)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
Lớp: K9CĐ - Điện B - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử									
1	DTU131C5103010076	Hoàng Văn	Linh	10/11/1995	105	6.19	2.03	Trung bình	Trả nợ môn+CC
Lớp: K9CĐ - Máy - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
2	DTU131C5102010011	Nguyễn Văn	Nam	26/03/1994	105	6.18	2.03	Trung bình	Trả nợ môn+CC
Lớp: K9CĐ - QLMT - Ngành Quản lý môi trường									
3	DTU131C8501010097	Lài Dương	Dong	28/07/1994	105	6.44	2.2	Trung bình khá	Trả nợ môn+CC
Lớp: K10CĐ - QLĐ - Ngành Quản lý đất đai									
4	DTU141C8501030016	Chảo Văn	Khé	06/11/1995	105	6.46	2.11	Trung bình	Trả nợ học phí
Lớp: K10CĐ - Máy - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
5	DTU141C5102010025	Ninh Xuân	Lâm	02/01/1996	105	6.15	2.01	Trung bình	Trả nợ môn+CC
6	DTU141C5102010045	Nguyễn Mạnh	Tú	25/07/1996	105	6.29	2.05	Trung bình	Trả nợ môn+CC
Lớp: K11CĐ - Điện - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử									
7	DTU151C5103010055	Lê Anh	Tuấn	23/12/1996	105	6.57	2.35	Trung bình khá	Trả nợ môn+CC
Lớp: K12CĐ - Điện - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử									
8	DTU161C5103010014	Đàm Văn	Anh	29/07/1998	105	6.17	2.06	Trung bình	Trả nợ môn+CC
9	DTU161C5103010024	Phạm Quang	Duy	20/12/1998	105	6.44	2.2	Trung bình khá	Trả nợ môn+CC
10	DTU161C5103010013	Đặng Hồng	Sơn	28/06/1998	105	6.18	2.05	Trung bình	Trả nợ môn+CC
Lớp: K12CĐ - Máy - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
11	DTU161C5102010003	Bàng Văn	Hoàng	25/01/1998	105	6.41	2.2	Trung bình khá	Trả nợ môn+CC
12	DTU161C5102010015	Vi Văn	Luyện	08/02/1998	105	6.69	2.4	Trung bình khá	Trả nợ môn+CC
Lớp: K12CĐ - Thú y - Ngành Chăn nuôi thú y									
13	DTU161C6402010034	Nguyễn Hải	Nam	22/02/1998	105	6.26	2.16	Trung bình	Trả nợ môn+CC

Danh sách ấn định: 13 sinh viên

Ngày tháng 09 năm 2019

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Người lập

Kiều Thị Thanh Huyền